

Số: 276/QĐ-TQT

Uông Bí, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Công khai "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024"
của Trường THCS Trần Quốc Toản**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024";

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc thực hiện công khai cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toản (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 26/9/2024 đến hết ngày 26/12/2024

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Quốc Phong

Đơn vị: Trường THCS Trần Quốc Toản
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-TQT, ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng
Trường THCS Trần Quốc Toản.)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Thu học phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
		-82.795.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-82.795.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	-82.795.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-82.795.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi khác	-82.795.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Quang Trung, ngày 26 tháng 9 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Anh

Thu trưởng đơn vị

Nguyễn Quốc Phong

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai "V/v cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toản

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Nghị Quyết 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Thông tư 56/2022/TT/BTC hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024";

Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 26/9/2024, tại phòng họp của Trường THCS Trần Quốc Toản.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 75/75 đ/c; Vắng: 0
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Quốc Phong - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Đinh Thị Quyên - Chức vụ: Chủ tịch CĐ
- Đại diện tài chính: Đ/c: Nguyễn Thị Vân Anh - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Dương Thị Phương Thúy - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 1131/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2024 "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toản.

(Kèm theo Bản Dự toán "V/v cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toản).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 26/9/2024 đến hết ngày 26/12/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Công khai trên trang Web và tại Bảng thông báo của Trường THCS Trần Quốc Toàn, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai "Vv cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toàn, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Đinh Thị Quyên - Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn, SĐT: 0384988506) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định)

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn công khai "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024" của Trường THCS Trần Quốc Toàn từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 8h00 phút ngày 26/9/2024.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Dương T. Phương Thúy

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN



Đinh Thị Quyên

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Vân Anh

CHỦ TRÌ



Nguyễn Quốc Phong

Số 277/BC-TQT

Quang Trung, ngày 26 tháng 9 năm 2024

"V/v báo cáo tình hình thực hiện công
khai cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024"

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí.

Trường THCS Trần Quốc Toản báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán thu - chi Ngân sách nhà nước năm 2024 theo Nghị định số 163/2016/ NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

1. Nội dung công khai:

- Công khai "Về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên Năm 2024"

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết ở bảng thông báo của nhà trường.

- Công khai trên trang Web của nhà trường.

3. Thời gian công khai:

- Từ ngày 26/9/2024 đến hết ngày 26/12/2024.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Ban giám hiệu

- Lưu VP.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Quốc Phong

Số: 1131/QĐ-PGDĐT

Uông Bí, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024
của ngành giáo dục theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội;
Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế
- xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;
Căn cứ Quyết định số 4415/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân
dân thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên
năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ".
Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của Phòng Giáo dục và
Đào tạo thành phố Uông Bí "Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024".
Theo đề nghị của Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của
phòng Giáo dục Đào tạo và các đơn vị trường học, số tiền: 3.027.270.000 đồng.
(Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm hai bảy triệu, hai trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

Trong đó:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp: 2.783.660.000đ (Cắt giảm tháng 9/2024)
 - + Phòng GDĐT: 781.060.000đ
 - + Khối trường: 2.002.600.000đ
- Nguồn học phí: 243.610.000 đ (Cắt giảm vào tháng 12/2024 sau khi có quyết
định của Phòng GDĐT về số thu học phí năm 2024 của các đơn vị trường học)
Có biểu chi tiết kèm theo.

Điều 2. Giao bộ phận Tài vụ tổng hợp số liệu điều chỉnh cắt giảm số kinh phí
trên và hướng dẫn các đơn vị trường học thực hiện; Các đơn vị trường học phân bổ
dự toán, sử dụng kinh phí theo đúng quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trường học, Kho bạc nhà nước Uông Bí, các
đơn vị và cá nhân liên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, TV PGDĐT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

BỂU CẤT GIÁM, TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYẾN NĂM 2024 THEO NGHỊ QUYẾT 119/NQ-CP NGÀY 07/8/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-PCDDT ngày 20/9/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bì)

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Địa phương	Tổng cộng số thu học phí năm 2024 được duyệt theo Quyết định giao tự chủ	Trong đó		Các khoản được loại trừ không tính tiết kiệm 5%										Trong đó					GHI CHÚ
			Số đã nộp NSNN	Tu học nghiệp vụ...	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả học phí)	Ký mua sắm, sửa chữa đồ lý hợp đồng, tài sản, chi khác. Trước ngày 07/08/2024	10% tiết kiệm để CCTL	Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 (bao gồm cả nguồn KTC)	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	10% tiết kiệm để CCTL	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp và các khoản chi cho người lao động (cả học phí)	Dự toán chi an ninh xã hội, các chi phí chính sách	Các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa theo các hợp đồng, đã đầu thầu. Trước ngày 07/08/2024	Dự toán cân đối để tính 5%	Số tiết kiệm 5% từ toàn chi TX	Ký tự chủ	KP KTC	Học phí	
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9=10+...13	10	11	12	13	14=1+4+8-9	15=14+5%	16	17	18	19
	Cộng 1 + II	29.921,40	29.921,40	-	25.049,255	25.049,26	-	-	269.622,13	213.948,81	4.981,13	180114,06	8.637,97	20.215,65	60.545,47	3.027,27	2.017,00	766,66	243,61	-
I	Phòng GDDT	-	-	-	-	-	-	-	36.335,19	20.713,900	34,00	3.090,79	2.602,800	14.986,31	15.621,29	781,06	14,40	766,66	-	-
1	QLNN	-	-	-	-	-	-	-	1.559,8	1.271,790	34,00	687,79		550,00	288,00	14,40	14,40			
2	Sư nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	34.775	19.442,110		2.403,00	2.602,800	14.436,31	15.333	766,66	-	766,66		
II	Tổng cộng khối trường	29.921,40	29.921,4		25.049,255	25.049,26	-	-	233.287	193.234,910	4.947,13	177.033,27	6.035,170	5.229,34	44.924	2.246,21	2.002,60	-	243,61	65,46
	KHOI MAM NON	7.403,40	7.403,4		6.094,115	6.094,12	-	-	55.887	46.078,180	1.196,41	42.720,13	471,990	1.689,65	11.118	555,88	490,42	-	65,46	4,06
1	MN 19 - 5	494,10	494,1		412,930	412,93			3.859	3.158,830	86,80	2.926,61	17,900	127,52	781	39,06	35,00	-	4,06	-
2	MN Thương Yên Công	-	-		-	-			4.948	4.116,940	86,80	3.810,37	13,800	205,97	831	41,56	41,56	-	-	-
3	MN Phương Nam	1.004,40	1.004,4		826,124	826,12			5.582	4.544,510	124,00	4.246,54	47,100	126,87	1.216	60,80	51,89	-	8,91	-
4	MN Yên Thanh	642,60	642,6		532,955	532,96			4.180	3.456,260	92,60	3.191,76	20,000	151,90	833	41,67	36,19	-	5,48	-
5	MN Bắc Sơn	648,00	648,0		540,793	540,79			4.272	3.536,950	93,60	3.326,75	18,350	98,25	842	42,12	36,76	-	5,36	-
6	MN Quang Trung	688,50	688,5		574,500	574,50			4.696	3.805,790	100,51	3.565,83	27,200	112,25	1.005	50,23	44,53	-	5,70	-
7	MN Vãng Danh	415,80	415,8		342,736	342,74			2.930	2.427,140	64,00	2.223,37	23,600	116,17	576	28,80	25,15	-	3,65	-
8	MN Nam Khả	445,50	445,5		367,539	367,54			3.296	2.731,090	71,40	2.470,80	38,100	150,79	643	32,13	28,23	-	3,90	-
9	MN Thanh Sơn	1.134,00	1.134,0		920,992	920,99			5.708	4.719,280	133,50	4.401,35	99,840	84,59	1.202	60,08	49,43	-	10,65	-
10	MN Điện Công	-	-		-	-			2.370	2.029,930	37,80	1.742,98	77,350	171,80	340	17,01	17,01	-	-	-
11	MN Phương Đông	1.296,00	1.296,0		1.049,736	1.049,74			6.543	5.318,110	152,40	4.998,02	57,200	110,49	1.472	73,58	61,27	-	12,31	-
12	MN Trung Vương	634,50	634,5		525,810	525,81			3.934	3.251,370	87,90	3.047,87	18,350	97,25	791	39,56	34,12	-	5,43	-
13	MN Điện Chánh	-	-		-	-			3.568	2.981,980	65,10	2.767,88	13,200	135,80	586	29,30	29,30	-	-	-
	KHOI TIÊU HỌC	-	-		0	-			111.802	91.799,620	2.217,90	85.081,46	2.543,220	1.948,04	20.011,10	1.000,56	1.000,56	-	-	-
1	TH P. Đông A	-	-		-	-			5.109	4.139,370	107,76	3.865,33	65,000	101,28	970	48,49	48,49	-	-	-
2	TH P. Đông B	-	-		-	-			10.499	8.666,000	203,70	8.152,26	175,000	135,04	1.833	91,67	91,67	-	-	-
3	TH Yên Thanh	-	-		-	-			9.325	7.666,710	184,20	7.154,79	155,920	171,80	1.658	82,89	82,89	-	-	-
4	TH Phương Nam A	-	-		-	-			4.873	3.965,150	101,08	3.645,79	135,000	81,28	910	45,49	45,49	-	-	-
5	TH Phương Nam B	-	-		-	-			4.693	3.803,800	98,78	3.443,98	175,000	86,04	889	44,45	44,45	-	-	-
6	TH Lỵ Thường Kiệt	-	-		-	-			9.654	7.866,990	198,60	7.374,73	170,000	123,66	1.787	89,37	89,37	-	-	-

STT	Đơn vị/Địa phương	Tổng cộng số đầu học phí năm 2024 được duyệt theo Quyết định giao tự chủ	Trong đó		Các khoản được loại trừ không tính tiết kiệm 5%				Các khoản được loại trừ không tính tiết kiệm 5%				Dự toán còn lại để tính 5%	Số tiết kiệm 5% dự toán chi TX	Trong đó			GHI CHÚ
			Số đã nộp NSNN	Thu sự nghiệp, thu từ nghiệp vụ...	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 68) từ nguồn học phí	Ký mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng, đã đấu thầu, chi trước ngày 07/8/2024	Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 (bao gồm cả nguồn KTC)	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	10% tiết kiệm để CCTL	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp và các khoản chi cho người lao động (cả hợp đồng 68)	Dự toán chi an sinh xã hội; các chế độ chính sách			Các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa theo các hợp đồng, đã đấu thầu, Trước ngày 07/8/2024	KP tự chủ	KP KTC	
7	TH Trần Hưng Đạo		-	-	-	-	-	4.625	3.787,040	93,10	3.345,20	250,920	97,82	838	41,90	-	-	
8	TH Lê Lợi		-	-	-	-	-	11.004	9.046,970	217,40	8.491,61	155,000	182,96	1.957	97,83	-	-	
9	TH Quang Trung		-	-	-	-	-	10.156	8.454,310	189,06	7.906,99	225,000	133,26	1.702	85,08	-	-	
10	TH Trung Vương		-	-	-	-	-	8.244	6.778,180	162,90	6.278,16	177,000	160,12	1.466	73,31	-	-	
11	TH Lê Hồng Phong		-	-	-	-	-	5.989	4.978,180	106,80	4.560,52	143,380	167,48	1.011	50,56	-	-	
12	TH Trần Phú		-	-	-	-	-	8.994	7.339,650	183,82	6.914,81	60,000	181,02	1.654	82,72	-	-	
13	TH Nguyễn B. Ngọc		-	-	-	-	-	3.704	3.042,250	73,50	2.721,81	165,000	81,94	662	33,08	-	-	
14	TH Kim Đồng		-	-	-	-	-	4.267	3.464,000	89,20	3.162,80	135,000	77,00	803	40,14	-	-	
15	TH Phương Nam C		-	-	-	-	-	3.774	3.086,290	76,42	2.793,39	150,000	66,48	688	34,39	-	-	
16	TH &THCS Nam Khê		-	-	-	-	-	5.101	4.261,920	93,18	4.008,86	100,000	59,88	839	41,93	-	-	
17	TH & THCS D. Công		-	-	-	-	-	1.791	1.445,810	38,40	1.260,43	106,000	40,98	346	17,28	(0)	-	
	KHOÍI THCS	22.518,00	22.518,0	-	18.955,1	18.955,1	-	65.599	55.366,110	1.532,82	49.221,68	3.019.960	1.591,65	13.795,39	689,77	511,627	-	178,14
1	THCS Lý Tự Trọng		-	-	-	-	-	4.465	3.795,470	74,40	3.416,13	156,000	148,94	670	33,48	-	-	
2	THCS Bắc Sơn	1.080,00	1.080,0	-	894,740	894,74	-	3.625	3.046,000	84,90	2.670,10	220,000	71,00	764	38,21	-	-	9,26
3	THCS Trưng Vương	1.944,00	1.944,0	-	1.639,610	1.639,61	-	5.702	4.773,120	137,00	4.252,86	230,000	153,26	1.233	61,65	-	-	15,22
4	THCS Trần Quốc Toản	4.590,00	4.590,0	-	3.910,470	3.910,47	-	11.090	9.434,050	259,49	8.376,06	525,000	273,50	2.335	116,77	82,80	-	33,98
5	THCS Nguyễn Trãi	4.563,00	4.563,0	-	3.868,970	3.868,97	-	10.926	9.271,110	261,00	8.328,31	445,000	236,80	2.349	117,45	82,75	-	34,70
6	THCS Phương Đông	3.159,00	3.159,0	-	2.615,990	2.615,99	-	7.120	5.991,820	185,70	5.411,52	255,000	139,60	1.671	83,57	56,41	-	27,15
7	THCS Yên Thành	1.674,00	1.674,0	-	1.428,730	1.428,73	-	6.040	5.071,400	134,90	4.465,64	327,960	142,90	1.214	60,70	48,44	-	12,26
8	THCS Phương Nam	2.281,50	2.281,5	-	1.886,520	1.886,52	-	5.923	4.998,920	146,60	4.378,52	355,000	118,80	1.319	65,97	46,22	-	19,75
9	THCS Nguyễn Văn Cừ	2.133,00	2.133,0	-	1.770,230	1.770,23	-	5.509	4.622,420	138,80	4.102,92	250,000	130,70	1.249	62,46	44,32	-	18,14
10	TH &THCS Nam Khê	1.093,50	1.093,5	-	939,880	939,88	-	3.272	2.726,490	77,63	2.408,96	185,000	54,90	699	34,93	27,25	-	7,68
11	TH & THCS D. Công		-	-	-	-	-	1.927	1.635,310	32,40	1.410,66	71,000	121,25	292	14,58	-	-	

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN

Uông Bi, Ngày 20 tháng 9 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thị Huyền Trang

Phạm Thị Thuý Vinh

Trần Nam Hải